

Mẫu số 03. Đơn đề nghị xác nhận bảng kê lâm sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN BẢNG KÊ LÂM SẢN

Kính gửi⁽¹⁾: CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH Đồng Nai

1. Thông tin về chủ lâm sản/chủ rừng:

- Tên chủ lâm sản/chủ rừng⁽²⁾: CÔNG TY TNHH A
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC⁽³⁾: 113
- Địa chỉ⁽⁴⁾: Số khu phố 8, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: 090-... Địa chỉ email:

2. Thông tin về lâm sản

- a) Loại lâm sản⁽⁵⁾: Gỗ Pachyloba xè (Afzelia pachyloba).
- b) Số lượng⁽⁶⁾: 4 hộp (Bốn hộp)
- c) Khối lượng⁽⁶⁾: 1,747 m³ (Một khối bảy bốn bảy).

3. Tài liệu kèm theo

a) Bảng kê lâm sản⁽⁷⁾ số 605/2025/BKLS ngày 12/08/2025, Hóa đơn GTGT số 605 ngày 12/08/2025, của Công ty TNHH A xuất.

b) Hồ sơ kèm theo⁽⁸⁾: Hóa đơn GTGT số 0000 ngày 02/05/2024, bảng kê lâm sản số 003/2024/BKLS ngày 02 tháng 05 năm 2024 của Công ty TNHH có xác nhận của Chi cục Kiểm lâm thành phố .

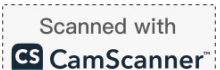
Chúng tôi/Tôi cam kết những nội dung kê khai trong đề nghị này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin.

Đề nghị⁽¹⁾ Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đồng Nai xem xét kiểm tra, xác nhận Bảng kê lâm sản./.

Long Bình, ngày 12 tháng 08 năm 2025
CHỦ RỪNG/CHỦ LÂM SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)



Nguyễn Văn A



BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Bảng kê lâm sản số: 605/2025/BKLS ngày .../2.../08/2025
của Công ty TNHH A)

**1. Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:**

TT	Số hiệu/ nhãn danh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tá vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m ³)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài (10)	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính hoặc chiều dày (cm)			
1	CC8-190	Pachyloba		Afzelia pachyloba	PLII CITES	3,3	44	43	1	0,624	HĐ 01406 ngày 02/05/ 24
2	IC12-286	Pachyloba		Afzelia pachyloba	PLII CITES	3,5	28	27	1	0,265	
3	CC3-495	Pachyloba		Afzelia pachyloba	PLII CITES	2,4	41	40	1	0,394	
4	CC12- 2622	Pachyloba		Afzelia pachyloba	PLII CITES	2,4	44	44	1	0,465	
Tổng:									4	1,747	

2. Thông tin chi tiết sản phẩm gỗ: Không.

3. Thông tin chi tiết đối với động vật rừng thông thường, động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, động vật thuộc các Phụ lục CITES: Không.



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI

Mã số thuế (Tax Code): 0 9 0 0 2 2

Địa chỉ (Address): Thôn Quảng Uyên, Xã Minh Châu,

Điện thoại (Tel): 02252299793

Số tài khoản (Account No):



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): 1C24TDL

Ngày 02 tháng 05 năm 2024

Số (Invoice No): 00001406

Mã cơ quan thuế: 007E674C1244D34DA6B54F

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name's): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): , Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt

Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Thanh toán tiền mặt hoặc
Chuyển khoản Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gỗ Pachyloba xẻ	m3	44,477	21.950.000	976.270.150
Cộng tiền hàng (Total):					976.270.150
Thuế suất thuế GTGT (VAT Rate): 8%				Tiền thuế GTGT:	78.101.612
Tổng cộng tiền thanh toán (Total Payment)					1.054.371.762
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi hai (Total payment in words) đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)			
		Signature Valid			
		Ký ngày: 02/05/2024 10:48:45			

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vnaphone, MST: 0106869738, Điện thoại: 18001166
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://0900220973-075.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: 156161901C24TDL1406495803

Mẫu số 01: Bảng kê lâm sản áp dụng đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, cây thân gỗ

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số⁽¹⁾: 003/2024/BKLSTờ số⁽²⁾: Tổng số tờ:**BẢNG KÊ LÂM SẢN**

(Áp dụng đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, cây thân gỗ)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin chủ lâm sản:**

- Tên chủ lâm sản⁽⁴⁾: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI A
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC⁽⁵⁾: / 8 (MSDN)
- Địa chỉ⁽⁶⁾: Thôn Quảng Uyên, Xã Minh Châu, ỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Địa chỉ kho/bãi để gỗ : Cảng Cát Lái, Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, , TP HCM
- Số điện thoại: , Địa chỉ Email:

2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua/nhận chuyển giao quyền sở hữu:

- Tên tổ chức, cá nhân⁽⁴⁾: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI S A
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC⁽⁵⁾: 360357 MSDN)
- Địa chỉ⁽⁶⁾: - Phường Long Bình - Thành phố Biên Hoà - Đồng Nai.
- Số điện thoại: , Địa chỉ Email:

3. Thông tin vận chuyển (nếu có): Biên kiểm soát/số hiệu phương tiện:/.....; thời gian vận chuyển: .../... ngày; từ ngày .../... tháng .../... năm .../... đến ngày .../... tháng .../... năm .../...; Vận chuyển từ:/..... đến:...../.....

4. Thông tin về nguồn gốc:

Khai thác trong nước	Nhập khẩu	Sau xử lý tịch thu
- Số ⁽⁷⁾ :/.....; ngày, tháng, năm; tên tổ chức, cá nhân lập - n	- Số ⁽⁷⁾ : 003/2024/BKLS ngày 02/05/2024 của Công ty TNHH Thương Mại - Số Tờ khai Hải quan: 106238' ngày 25/04/2024 - Số : 24/1135/BKGNK ngày 25/04/2024	- Số ⁽⁷⁾ :/.....; ngày, tháng, năm; cơ quan lập. - n

3527
CÔNG
TY
THƯƠNG
MẠI
KHUẤT
HIỆN
HƯ
HOA-T

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PL/II CITES)	Số lượng (hộp)	Kích thước			Khối lượng (m3)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)		
1	IP5-153	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,1	38	30	0.353	Container: MRKU7016949
2	IC12-175	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	37	34	0.327	18/4
3	CC10-1307	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	28	23	0.193	28/2
4	IC12-245	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	30	30	0.270	
5	CC10-139	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	30	29	0.261	
6	IC12-173	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,7	39	38	0.400	
7	IC12-214	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,9	40	37	0.429	28/2
8	CC2-800	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	54	47	0.761	4/10
9	IP2-175	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,1	35	30	0.326	30/9
10	CC2-799	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,9	51	49	0.725	28/2
11	CC3-481	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,7	56	51	0.771	
12	CC8-263	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,4	51	47	0.815	
13	CC10-1179	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,7	51	46	0.633	4/10
14	IP3-218	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,4	39	33	0.438	
15	CC8-190	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,3	44	43	0.624	
16	IC12-259	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,1	27	27	0.226	30/9
17	IC12-252	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	29	26	0.226	
18	IC12-220	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,8	26	24	0.175	28/2
19	IC12-176	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,7	30	28	0.227	23/9
20	BC12-412	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,7	34	32	0.294	4/10
21	IC12-188	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	36	35	0.328	26/5
22	IC12-256	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,7	37	29	0.290	18/4
23	BC12-491	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,7	37	36	0.360	23/9
24	IC12-301	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,1	35	31	0.336	18/4
25	IC12-302	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	34	32	0.326	17/9
26	IC12-241	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	36	32	0.346	23/9
27	IC12-254	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	48	28	0.349	
Tổng cộng					27				10,809	

28	IC12-262	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,8	37	32	0,332	
29	IC12-249	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,1	42	36	0,469	✓ 5/7
30	IC12-286	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,5	28	27	0,265	
31	IP3-579	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	33	32	0,275	✓ 4/10
32	IP3-580	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	27	27	0,190	✓
33	IP3-602	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	32	31	0,258	✓ 17/16
34	IP3-594	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	32	27	0,225	✓
35	IP3-608	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	30	30	0,234	✓ 4/10
36	IP3-581	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	29	28	0,211	✓ 17/16
37	CC12-2606	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	34	31	0,253	✓ 20/5
38	CC3-386	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	45	41	0,443	
39	IP2-172	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	34	32	0,261	✓ 31/7
40	CC3-495	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	41	40	0,394	
41	CC3-496	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	45	45	0,486	✓ 10/5
42	CC12-2599	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	49	45	0,529	
43	DC1-06	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	1,8	42	40	0,302	
44	CC12-2622	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	44	44	0,465	
45	DC1-05	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,1	35	34	0,250	✓ 24/4
46	CC12-2626	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2	44	42	0,370	✓ 27/5
47	IP2-131	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	29	28	0,195	
48	IP2-158B	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	1,9	42	19	0,152	23/5
49	CC4-11	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,3	60	59	0,814	
50	IP3-610	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	44	36	0,396	
51	CC12-2617	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	41	38	0,374	✓ 24/4
52	CC12-2616	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	42	38	0,383	27/5
53	CC12-2608	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,1	51	38	0,407	✓ 21/6
54	CC3-462	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	42	39	0,393	✓ 10/4
55	CC3-471	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	47	45	0,508	
56	IP3-618	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	43	41	0,441	
57	IP3-630	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	43	41	0,441	✓ 10/6
58	CC12-2607	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,3	34	31	0,212	✓ 4/10
Tổng					58				21,763	
59	BC12-504	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	49	42	0,617	Container: MSKU2685964 23/9
Tổng cộng					59				22,381	

20978-C
NG TY
NHÌM HỮU H
ÔNG MÃ
AI LỢI
Y-T. HUNG

264 CT
TY
H
MÃ
HÀNG
ÔNG MÃ

60	BC12-505	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,7	51	49	0,675	✓ 2313
61	DC1-310	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	62	58	1,079	✓
62	BC12-509	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	44	34	0,449	✓ 2815
63	BC12-543	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	41	41	0,504	2715
64	IC12-365	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	76	46	1,049	
65	IC12-364	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	41	19	0,234	
66	IC12-362	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	29	24	0,209	✓ 2116
67	IC12-368	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,1	30	27	0,251	2215
68	IC12-395	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	33	32	0,275	✓ 1719
69	IC12-373	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	43	33	0,426	✓ 9110
70	IC12-386	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	35	29	0,254	
71	BC12-527	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	43	39	0,402	✓ 1719
72	BC12-526	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	41	40	0,492	✓ 1015
73	BC12-525	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	43	40	0,516	✓
74	BC12-524	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	41	39	0,480	• 2516
75	IC12-361a	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	42	29	0,365	
76	IC12-367	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,9	32	28	0,260	✓ 2015
77	IC12-370	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,3	27	22	0,137	2215
78	IC12-369	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	37	29	0,322	
79	DC1-298	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,3	41	41	0,555	✓ 2116
80	DC1-314	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,3	44	43	0,624	✓ 2815
81	IP6-51	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,1	27	26	0,218	✓ 1716
82	IC12-377	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3	32	33	0,317	
83	IC12-378	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,9	41	35	0,416	✓
84	IC12-379	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,4	36	35	0,428	
85	IC12-77	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	28	28	0,188	
86	IC12-215	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	25	24	0,156	
87	IC12-376	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,9	47	46	0,627	✓ 1815
88	IC12-375	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	3,2	45	44	0,634	✓
89	BC12-546	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	42	41	0,413	✓ 1015
90	BC12-576	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	41	40	0,394	✓ 3
91	BC12-535	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,3	40	36	0,331	✓ 1615
92	BC12-534	✓ Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,2	36	35	0,277	✓ 1814
Tổng cộng					92				36,336	

93	BC12-536	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	36	35	0,302	✓ 1714
94	BC12-517	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	35	32	0,280	
95	BC12-581	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	42	42	0,441	✓ 1615
96	BC12-573	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	43	42	0,470	✓
97	IC11-374	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	34	30	0,255	
98	BC12-748	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,2	32	29	0,204	
99	IC12-366	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	1,8	35	34	0,214	
100	BC12-560	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	45	43	0,503	✓ 1615
101	BC12-574	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,3	47	40	0,432	✓ 1015
102	BC12-575	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	41	40	0,426	✓ 246
103	BC12-530	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	44	42	0,444	✓ 1015
104	IC12-281	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,6	29	26	0,196	
105	CC5-346	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	39	36	0,351	✓ 1719
106	BC12-518	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,1	50	41	0,431	✓ 2319
107	BC12-567	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	40	37	0,355	✓ 216
108	BC12-560A	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	41	38	0,374	
109	BC12-558	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	35	34	0,286	✓ 2015
110	BC12-404	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	48	47	0,564	
111	BC12-521	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	48	43	0,495	✓ 2015
112	BC12-529	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,4	40	36	0,346	✓ 2015
113	BC12-528	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	38	36	0,342	✓ 1719
114	CP-55	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,5	35	24	0,210	✓ 2319
115	BC12-559	Pachyloba	Afzelia Pachyloba	PLII	1	2,3	32	30	0,221	✓
Tổng					57				22,714	
Tổng cộng					115				44,477	

Chúng tôi/Tôi cam kết những nội dung kê khai trong bảng kê này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin./

TP.HCM, ngày 06 tháng 5 năm 2024.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

KIỂM LÂM SỞ TẠI⁽⁸⁾

Vào sổ số: 555/2024/PC

Đã xử, xác minh tại KK Số

Ngày 04/5/2024 của Đội KK

KT. CHI CỤC TRƯỞNG



TP.HCM, ngày 2 tháng 5 năm 2024
TỔ CHỨC XÁC NHẬN LẬP BẢNG KÊ



Mẫu số 04: Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản

TÊN ĐƠN VỊ LẬP SỔ
CÔNG TY TNHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số sổ: 01 / Năm lập: 2025

SỔ THEO DÕI NHẬP, XUẤT LÂM SẢN

Lâm sản tồn đầu kỳ	Lâm sản nhập trong kỳ							Lâm sản xuất ra trong kỳ					Lâm sản tồn cuối kỳ ⁽²⁾	Ghi chú	Xác nhận khối lượng lâm sản tồn ⁽³⁾
	Tên lâm sản		Số hiệu, nhãn đánh dấu	Đơn vị tính	Khối lượng		Hồ sơ kèm theo lâm sản nhập	Ngày, tháng, năm	Số bảng kê lâm sản xuất ra	Khối lượng		Hồ sơ xuất lâm sản kèm theo	Ước tính nguyên liệu tiêu hao (nếu có)		
	Ngày, tháng, năm	Tên tiếng việt/ tên thương mại			Loại nguy cấp, quý, hiếm; CITES	Loại thông g thườn g				Loại nguy cấp, quý, hiếm; CITES	Loại thông thườn g				
574,245 m ³	16/08/ 2025	Gỗ gõ (Pachyloba) xẻ	Afzelia pachyloba	m ³	96,141		HD 126- ngày 11/08/2025 + HD 263 ngày 16/08/2025							670,386m ³	
670,386 m ³		Gỗ gõ (Pachyloba) xẻ	Afzelia pachyloba					16/08/2025	Bkls số 103-ngày 16/08/202 5	35,033m 3				635,353 M ³	

CHỦ ĐƠN VỊ LẬP SỔ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)



Nguyễn Văn B.

NGƯỜI GHI SỔ ⁽⁴⁾

Nguyễn Văn A